BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2012/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng ngày 05/4/2004;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm như sau.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đăng ký, công nhận, quản lý nguồn giống và sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp nhân giống vô tính.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: là những loài cây công nghiệp, cây ăn quả có thời gian kiến thiết cơ bản và thời gian kinh doanh trong nhiều năm.

2. Cây đầu dòng: là cây có năng suất, chất lượng cao và ổn định, tính chống chịu tốt hơn hẳn các cây khác trong quần thể một giống (giống địa phương, giống mới chọn tạo, giống nhập nội) được cơ quan có thẩm quyền bình tuyển và công nhận để làm nguồn vật liệu nhân giống.

3. Vườn cây đầu dòng: là vườn cây được nhân bằng phương pháp vô tính từ cây đầu dòng; được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và công nhận để làm nguồn vật liệu nhân giống.

4. Cây có múi S_0: là cây được nhân giống vô tính theo phương pháp vi ghép đỉnh sinh trưởng từ cây đầu dòng cây có múi, được kiểm tra và xác nhận không mang mầm bệnh vàng lá Greening và bệnh Tristeza. Cây S_0 được sử dụng khai thác vật liệu nhân giống sản xuất cây S_1.

5. Cây có múi S_1: là cây được nhân giống vô tính từ cây S_0, được kiểm tra và xác nhận không mang mầm bệnh vàng lá Greening và bệnh Tristeza. Cây S_1 được sử dụng khai thác vật liệu nhân giống sản xuất cây S_2.

6. Cây có múi S_2: là cây được nhân giống vô tính từ cây S_1, được kiểm tra và xác nhận không mang mầm bệnh vàng lá Greening và bệnh Tristeza. Cây S_2 được trồng lấy quả, không sử dụng khai thác vật liệu nhân giống.

7. Nguồn giống: là tên gọi chung để chỉ các cây đầu dòng (bao gồm cây có múi S_0) và vườn cây đầu dòng (bao gồm vườn cây có múi S_1) được công nhận.

8. Vật liệu nhân giống: là các bộ phận của cây như rễ, cành, chồi, mắt ghép, được khai thác từ nguồn giống để sử dụng cho nhân giống vô tính.

9. Mã hiệu nguồn giống: là ký hiệu của cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có nguồn giống đặt theo quy định.

10. Lô cây giống: là số lượng cây giống xác định của cùng một giống, được nhân từ một nguồn giống, cùng thời gian, địa điểm và quy trình kỹ thuật nhân giống.

Chương II
CÔNG NHẬN, QUẢN LÝ NGUỒN GIỐNG

Điều 3. Công nhận cây đầu dòng

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận cây đầu dòng gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có cây đầu dòng, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây; báo cáo về nguồn giống; kết quả nghiên cứu, hội thi (nếu có).

Báo cáo về nguồn giống phải có các nội dung: nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng (số liệu của 03 năm liên tục gần nhất).

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận cây đầu dòng theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng;

Trong thời hạn ba mươi lăm (35) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng bình tuyển tiến hành thẩm định cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận cây đầu dòng; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

3. Bình tuyển cây đầu dòng

a) Hội đồng bình tuyển:

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng.

Hội đồng có từ 5 - 7 thành viên, gồm: đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chuyên gia về lĩnh vực cây trồng bình tuyển.

Chủ tịch Hội đồng là chuyên gia am hiểu về cây trồng đăng ký bình tuyển.

b) Trình tự bình tuyển:

Hội đồng thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa về đặc điểm, sinh trưởng, phát triển của cây đầu dòng theo yêu cầu kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng quy định tại tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng.

Trường hợp cây trồng đăng ký bình tuyển chưa có tiêu chuẩn quốc gia cây đầu dòng, Hội đồng xây dựng tiêu chí bình tuyển, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt trước khi tiến hành bình tuyển.

Hội đồng lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận cây đầu dòng gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Công nhận vườn cây đầu dòng

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có vườn cây đầu dòng, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 01 hoặc Annex 01 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các tài liệu liên quan gồm: Sơ đồ vườn cây, báo cáo về vườn cây đầu dòng.

Báo cáo về vườn cây đầu dòng phải có các nội dung: Nguồn gốc xuất xứ; thời gian, vật liệu gieo trồng; nhận xét về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu các điều kiện ngoại cảnh bất lợi về sâu bệnh hại, khô hạn, ngập úng, rét hại, nắng nóng.

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng;

Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định vườn cây đầu dòng, lập biên bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định cấp hoặc không cấp Giấy công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nêu rõ lý do.

3. Thẩm định vườn cây đầu dòng

a) Tổ thẩm định:

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Quyết định thành lập Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng.

Tổ thẩm định có từ 3 - 5 thành viên, gồm: đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên gia về lĩnh vực cây trồng đăng ký thẩm định;

b) Trình tự thẩm định:

Tổ thẩm định kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa vườn cây đăng ký theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chí bình tuyển cây đầu dòng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này; lập biên bản đánh giá, đề nghị công nhận hoặc không công nhận gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Đối với giống cây trồng mới chọn tạo trong nước hoặc nhập nội, sau khi được công nhận giống chính thức, trường hợp cần phải mở rộng nhanh vào sản xuất theo yêu cầu của địa phương, doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân có nguồn giống gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị công nhận vườn cây khảo nghiệm, vườn cây sản xuất thử là vườn cây đầu dòng. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, bổ sung giấy đề nghị của địa phương, doanh nghiệp có yêu cầu mở rộng nhanh giống vào sản xuất. Trình tự, thủ tục thực hiện như quy định tại khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 5. Cấp, cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

1. Cấp Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

a) Căn cứ biên bản đánh giá của Hội đồng bình tuyển cây đầu dòng, Tổ thẩm định vườn cây đầu dòng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định cấp Giấy công nhận cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng (Phụ lục 02, phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Hiệu lực của Giấy công nhận là 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

a) Trước khi hết hạn ba (03) tháng, nếu chủ nguồn giống có nhu cầu đăng ký công nhận lại phải gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết;

b) Hồ sơ đăng ký công nhận lại gồm: đơn đề nghị công nhận lại, bản sao quyết định lần công nhận gần nhất; sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận gần nhất;

c) Trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ thực tế quá trình chăm sóc, sử dụng, sinh trưởng của cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại;

d) Hiệu lực của Giấy công nhận lại là 05 năm kể từ ngày cấp lại.

3. Đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

Căn cứ biên bản của đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

a) Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng bị đình chỉ hiệu lực ngay tại thời điểm kiểm tra nếu chủ nguồn giống vi phạm một trong những quy định tại

các điểm b, c khoản 2 Điều 12 của Thông tư này; thời hạn đình chỉ theo biên bản kiểm tra;

b) Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng bị đình chỉ hiệu lực nếu chủ nguồn giống vi phạm một trong những quy định tại các điểm a, d, đ, e, g khoản 2 Điều 12 của Thông tư này, nhưng không thực hiện các biện pháp khắc phục sau khi hết thời hạn nêu trong biên bản kiểm tra;

c) Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng bị hủy bỏ hiệu lực nếu hết thời hạn đình chỉ nhưng chủ nguồn giống không thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc khi nguồn giống bị thoái hóa, thiên tai, sâu bệnh gây hại nghiêm trọng không khắc phục được.

Điều 6. Phí, lệ phí

Phí, lệ phí đăng ký công nhận hoặc công nhận lại cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng do tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận chi trả theo quy định tại Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

Chương III
SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Điều 7. Điều kiện bảo đảm chất lượng giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trong quá trình sản xuất, kinh doanh

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm với mục đích thương mại phải đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các yêu cầu quản lý chất lượng cây giống như sau:

a) Có vườn ươm tối thiểu đạt các yêu cầu: Diện tích các khu gieo ươm hạt gốc ghép, đóng bầu, nhân giống và huấn luyện cây giống phù hợp quy mô số lượng cây giống sản xuất; chủ động về tưới tiêu nước; cách ly nguồn lây nhiễm bệnh;

b) Nhân giống từ nguồn giống được công nhận;

c) Có quy trình kỹ thuật nhân giống;

d) Có hoặc thuê người kiểm định giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm;

đ) Thực hiện ghi nhãn, công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với cây giống xuất vườn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm phải đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các yêu cầu quản lý chất lượng cây giống như sau:

a) Đảm bảo ghi nhãn, công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư này;

b) Đảm bảo nguồn gốc cây giống: Có hợp đồng hoặc giấy tờ mua bán cây giống với tổ chức, cá nhân sản xuất giống, trong đó ghi rõ các thông tin về tên giống, nguồn giống đã sử dụng nhân giống, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây;

c) Có biện pháp đảm bảo chất lượng cây giống trong quá trình lưu giữ, vận chuyển.

Điều 8. Ghi nhãn

1. Giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm lưu thông trên thị trường thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo các quy định tại Điều 39 Pháp lệnh Giống cây trồng, Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, bao gồm các thông tin sau:

a) Tên giống cây trồng;

b) Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

c) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu;

d) Ngày xuất vườn và thời hạn sử dụng;

đ) Tên nước sản xuất đối với giống cây trồng nhập khẩu;

e) Mã hiệu nguồn giống.

2. Đối với cây giống gieo ươm trong bầu kích thước lớn, nhãn được in, gắn trên từng cây giống, hoặc được in trên túi bầu. Đối với cây giống rễ trần, cây trong túi bầu có kích thước nhỏ, nhãn được in trên đai buộc, hoặc in trên hộp, túi đựng, hoặc tài liệu kèm theo giống cây trồng.

Điều 9. Công bố tiêu chuẩn áp dụng

1. Nội dung công bố: Số hiệu tiêu chuẩn hoặc các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của cây giống.

2. Hình thức công bố: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10. Công bố hợp chuẩn

1. Căn cứ công bố hợp chuẩn

a) Trường hợp công bố dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất cây giống: Biên bản kiểm định chất lượng lô giống theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này và phiếu kiểm nghiệm sạch bệnh (đối với cây có múi và cây lâu năm khác có quy định chỉ tiêu này trong tiêu chuẩn công bố áp dụng);

b) Trường hợp công bố dựa trên kết quả đánh giá của Tổ chức chứng nhận: Giấy chứng nhận hợp chuẩn của Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho tổ chức, cá nhân sản xuất giống.

2. Trình tự, thủ tục công bố hợp chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Cục Trồng trọt:

a) Đề xuất xây dựng mới, rà soát sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn quốc gia về giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm;

b) Xây dựng chương trình đào tạo, phân công, tổ chức đào tạo, cấp mã số cho người kiểm định chất lượng giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổng hợp và công bố danh sách các nguồn giống (được công nhận, công nhận lại hoặc bị hủy bỏ hiệu lực công nhận) trên trang Web của Cục;

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về nguồn giống, quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trên cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức bình tuyển, thẩm định, cấp, cấp lại hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trên địa bàn;

b) Hướng dẫn quản lý, khai thác có hiệu quả nguồn giống được công nhận;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn về giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm;

d) Thường xuyên cập nhật, công bố công khai danh sách nguồn giống được công nhận, công nhận lại hoặc bị hủy bỏ hiệu lực công nhận trên trang Web của Sở;

đ) Báo cáo về Cục Trồng trọt: Quyết định công nhận, công nhận lại hoặc bị hủy bỏ hiệu lực công nhận nguồn giống (01 bản, ngay sau khi ra Quyết định); tình hình sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trên địa bàn (hàng năm, trước ngày 31 tháng 12);

e) Kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về nguồn giống, quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm trên địa bàn.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của chủ nguồn giống

1. Quyền của chủ nguồn giống:

a) Được quảng cáo, giới thiệu về nguồn giống theo quy định của pháp luật về quảng cáo;

b) Được khai thác, kinh doanh vật liệu nhân giống từ nguồn giống theo quy định của pháp luật và trong giới hạn mức tối đa cho phép trong Giấy công nhận nguồn giống;

c) Được khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường đối với hành vi xâm hại bất hợp pháp nguồn giống.

2. Trách nhiệm:

a) Gắn mã hiệu cho nguồn giống: Mã hiệu nguồn giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với cây đầu dòng, cây có múi S_0 mã hiệu phải được gắn trực tiếp trên từng cây. Đối với vườn cây đầu dòng, vườn cây có múi S_1 mã hiệu được gắn trên bảng ở vị trí dễ quan sát.

b) Đảm bảo nguồn giống luôn đạt các tiêu chí như khi được công nhận, không bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa.

c) Cây có múi S_0, cây có múi S_1 phải được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh.

d) Khai thác vật liệu nhân giống không vượt quá định mức quy định trong Giấy công nhận nguồn giống;

đ) Lập sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống;

e) Hàng năm, báo cáo kết quả khai thác, tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống và những thay đổi liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu nguồn giống (nếu có) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

g) Chấp hành việc kiểm tra và biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

1. Thực hiện các yêu cầu về đảm bảo chất lượng cây giống trong quá trình sản xuất, kinh doanh quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Chấp hành việc kiểm tra và biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những nguồn giống đã được công nhận trước khi Thông tư này có hiệu lực thì giữ nguyên đến khi hết hiệu lực trong Giấy công nhận nguồn giống.

2. Những nội dung quy định liên quan người kiểm định trong Thông tư này được thực hiện sau một (01) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế: Quyết định số 64/2008/QĐ-BNN ngày 23/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm; Điều 3 Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010; Quyết định số 69/2008/QĐ-BNN ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm phải chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân có liên quan cần phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN
CÂY ĐẦU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐẦU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:..... Điện thoại/Fax/E-mail.....
3. Tên giống:.....
4. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng

Thôn..... xã..... huyện..... tỉnh/TP:.....

5. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:

- Năm trồng:
- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu *(cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):*.....
- Tình hình sinh trưởng *(chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):*.....
- Năng suất, chất lượng của giống *(nêu những chỉ tiêu chủ yếu):*

Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
- Diện tích vườn (m^2):
- Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;
- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;
- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;
- Tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày... tháng... năm 20.....
Đại diện đơn vị*
(Ký tên, đóng dấu)

*(*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn)*

Annex 01
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

APPLICATION FOR RECOGNITION SOURCES OF PLANTING MATERIALS OF PERENNIAL INDUSTRIAL AND FRUIT CROPS

To: Department of Agriculture and Rural Development Provincial/City.....

1. Name of organizations/individuals.....
2. Address:..... Telephone/Fax/E-mail.....
Number of identify card (individuals):.....
3. Names of varieties:
Scientific name:.....; Vietnamese name:.....
4. Administrative positions and geographic on varieties of Industrial and fruit crops:
Hamlet..... Commune..... District..... Province/City.....
5. More details for Sources of planting materials:
- Planted years:.....
- Source of original material cultivars (grafted trees, tree cuttings, tree branches and extract other propagating materia):.....
- The situation of growth (height, canopy diameter, pest status and some indicators related to growt):
- Productivity, quality of varieties (the main criteri):
For the Budwood orchards, additional informations follow:
- Codes of varieties (Elite trees):
- Garden area (m^2):
- Distance in (m x m):
6. Other related documents attached
- Map orchard;
- Summary of findings or history of cultivation;
- Research results, evaluation or had contests;
- The situation of growth and development of varieties sources;
We would commit to pay fees for selection and evaluation as prescribed./.

(days... months... years.....)
Representative units *
(Signature and stamp)

(Individuals must have a photocopy of identify card attached with)*

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND TỈNH/TP.....
SỞ NÔNG NGHIỆP &PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

GIẤY CÔNG NHẬN CÂY ĐẦU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP..... công nhận:

Mã hiệu nguồn giống	Cây thứ 1:..... Cây thứ 2:..... Cây thứ 3:.....
Loài cây	1. Tên khoa học:..... 2. Tên Việt Nam:..... 3. Tên xuất xứ (nếu có):.....
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/Bản)..... Xã..... Huyện..... Tỉnh/TP:.....
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/Fax/E-mail (*nếu có*)	Thôn (Ấp/Bản)..... Xã..... Huyện..... Tỉnh/TP:.....
Tuổi cây (*năm*)	Cây thứ 1:..... Cây thứ 2:..... Cây thứ 3:.....
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm *(loại vật liệu/ĐVT/số lượng)*	Năm.....: Năm.....: Năm.....:

Giấy công nhận này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20....

Ngày... tháng... năm 20....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND TỈNH/TP.....
SỞ NÔNG NGHIỆP &PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

GIẤY CÔNG NHẬN VƯỜN CÂY ĐẦU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP..... công nhận:

Mã hiệu nguồn giống	
Loài cây	1. Tên khoa học:..... 2. Tên Việt Nam:..... 3. Tên xuất xứ (nếu có):.....
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/Bản)..... Xã.....Huyện..... Tỉnh/TP:...
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/Fax/E-mail *(nếu có)*	Thôn (Ấp/Bản)..... Xã..... Huyện..... Tỉnh/TP:...
Thời gian trồng	tháng..... năm.....
Diện tích vườn (m^2)	
Số lượng cây đầu dòng *(cây)*	
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm *(loại vật liệu/ĐVT/số lượng)*	Năm.....: Năm.....: Năm.....:

Giấy công nhận này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20....

Ngày... tháng... năm 20....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

GHI MÃ HIỆU NGUỒN GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

1. Quy định cách lập mã hiệu nguồn giống

Mã hiệu gồm 4 thành phần, cách nhau bởi dấu chấm (.):

- Đầu tiên là các chữ cái viết tắt của loại hình nguồn giống: C (cây đầu dòng), V (vườn cây đầu dòng).

- Tiếp theo là tên đầy đủ của loài, dòng, giống bằng tiếng Việt (viết chữ in hoa, không dấu).

- Tiếp theo là mã số tỉnh, huyện, xã nơi nguồn giống được công nhận (theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam, ban hành kèm Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó mã tỉnh: 02 số, mã huyện: 03 số, mã xã: 05 số); các mã số này được cách nhau bởi dấu chấm (.);

- 02 số tiếp theo là 2 số cuối thời gian (năm) nguồn giống được công nhận.

- 02 số cuối cùng biểu thị số thứ tự của nguồn giống được công nhận.

2. Ví dụ

Cây vải đầu dòng Hùng Long tại xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ là nguồn giống thứ 8 trên địa bàn, được Sở Nông nghiệp và PTNT công nhận năm 2006, sẽ được cấp mã hiệu như sau:

C.VAI HUNG LONG.25.230.08029.06.08

Phụ lục 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LÔ GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

1. Thông tin về người kiểm định:

- Họ tên:..... Mã số:.....
- Địa chỉ:..... Điện thoại.....

2. Thông tin chung về lô giống sản xuất:

- Tên cơ sở sản xuất:
- Họ tên chủ cơ sở:
- Địa chỉ nơi sản xuất:
- Tên giống cây trồng:
- Thời gian nhân giống:
- Thời gian xuất vườn:

3. Phương pháp đánh giá:

4. Kết quả kiểm định:

a) Nguồn gốc, số lượng lô cây giống sản xuất:

- Giống gốc ghép:
- Tuổi gốc ghép *(tháng)*:
- Tổng số cây gốc ghép *(cây)*:
- Số lượng vật liệu giống sử dụng cho lô giống *(cành, mắt ghép, hom giống):*
- Mã hiệu nguồn giống:
- Tổng số cây đã ghép/giâm *(cây):*
- Tổng số cây sống sau ghép/giâm trong lô giống sản xuất *(cây)*:

b) Chất lượng lô cây giống xuất vườn:

Chỉ tiêu	Theo tiêu chuẩn công bố áp dụng	Kết quả kiểm định
- Tỷ lệ cây đúng giống *(%)*		
- Tỷ lệ cây bị sâu bệnh hại *(%)*		
- Chiều cao cây *(cm)*		
- Đường kính thân *(cm)*		
- Số cành cấp 1		
- Chỉ tiêu khác		

5. Kết luận:

Lô cây giống (*số lượng:..... cây*) có chất lượng phù hợp *(hoặc không phù hợp)* tiêu chuẩn công bố.....

....., Ngày..... tháng..... năm 20.....

Đại diện chủ cơ sở
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

Người kiểm định